

Đơn vị : CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN
(TAN CANG SONG THAN ICD JSC)

Địa chỉ : Số 7/20 DT 743, KP Bình Đáng, P.Bình Hoà, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
(No.7/20 DT 743 St., Binh Dang Quarter, Binh Hoa Ward, Ho Chi Minh City,
Vietnam)

Mã số thuế : 3700785006

(Tax Code: 3700785006)

-----* * * * *



TAN CANG
SONG THAN ICD

QUALITY IS GOLD, CUSTOMERS ARE FRIENDS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ (FINANCIAL STATEMENT)

QUÝ 3 - NĂM 2025/ (QUARTER 3/2025)

*** Gồm các biểu/Reports:**

- 1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh /Income Statement**
- 2. Bảng cân đối kế toán/ Balance Sheet**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ/ Cash Flow Statement**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính/ Notes to the financial Statement**

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 3 | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 128.007.758.666 | 113.249.623.298 | 383.217.718.675 | 331.702.927.257 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 128.007.758.666 | 113.249.623.298 | 383.217.718.675 | 331.702.927.257 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 88.109.127.856 | 83.143.580.082 | 268.774.745.446 | 241.526.384.471 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 39.898.630.810 | 30.106.043.216 | 114.442.973.229 | 90.176.542.786 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 3.510.471.043 | 3.006.821.313 | 4.841.618.921 | 3.975.478.798 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 288.299.731 | 565.028.711 | 1.082.943.948 | 1.853.653.925 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 288.299.731 | 551.385.428 | 1.082.943.948 | 1.840.010.642 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4 | 658.764.121 | 878.527.947 | 1.575.013.016 | 1.737.765.112 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 11.200.773.833 | 10.136.379.410 | 30.712.592.989 | 25.562.210.880 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 31.261.264.168 | 21.532.928.461 | 85.914.042.197 | 64.998.391.667 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 33.333.788 | 53.746.620 | 566.724.208 | 136.594.709 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 3 | 388.002 | 7.105.531 | 111.263.606 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 33.333.785 | 53.358.618 | 559.618.677 | 25.331.103 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 31.294.597.953 | 21.586.287.079 | 86.473.660.874 | 65.023.722.770 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.11 | 6.258.919.591 | 4.317.257.416 | 17.294.732.175 | 13.004.744.554 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 25.035.678.362 | 17.269.029.663 | 69.178.928.699 | 52.018.978.216 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.6 | 1.373 | 1.160 | 3.794 | 3.493 |

Người lập biểu



Đinh Anh Huy


Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hựu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Giám đốc


Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 180.763.705.327 | 168.169.071.837 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 99.834.704.574 | 90.088.675.948 |
| 1. Tiền | 111 | | 16.834.704.574 | 15.088.675.948 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 83.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 75.732.009.045 | 78.080.395.889 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 57.004.921.825 | 56.275.999.905 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 2.883.098.455 | 1.303.887.402 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 17.728.341.402 | 22.384.861.219 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.884.352.637) | (1.884.352.637) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.196.991.708 | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 5.196.991.708 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.11 | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 350.937.312.720 | 355.576.236.789 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 24.728.798.933 | 25.631.626.804 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 24.728.798.933 | 25.631.626.804 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 106.702.606.930 | 125.504.196.646 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 106.702.606.930 | 125.504.196.646 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 468.820.460.686 | 460.532.137.034 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (362.117.853.756) | (335.027.940.388) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 5.451.521.818 | 5.451.521.818 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (5.451.521.818) | (5.451.521.818) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 223.625.000 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 223.625.000 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 18.847.773.081 | 18.847.773.081 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 12.391.312.981 | 12.391.312.981 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 6.456.460.100 | 6.456.460.100 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 200.434.508.776 | 185.592.640.258 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 200.434.508.776 | 185.592.640.258 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 531.701.018.047 | 523.745.308.626 |

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 269.937.666.239 | 286.249.605.778 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 177.941.261.371 | 183.281.369.557 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 29.457.091.417 | 57.011.042.241 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 3.720.000 | 34.773.417 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 8.455.866.985 | 4.746.450.555 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 13.599.665.260 | 26.050.567.895 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.12 | 64.628.897.401 | 53.008.851.731 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.13 | 1.628.640.000 | 814.320.000 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14a | 14.103.068.572 | 14.401.249.689 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 16.433.905.479 | 21.292.000.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.16a | 20.460.191.380 | 66.355.000 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 9.170.214.877 | 5.855.759.029 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 91.996.404.868 | 102.968.236.221 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.14b | 90.307.508.192 | 90.168.434.066 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15 | 442.532.823 | 11.553.438.302 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.16b | 1.246.363.853 | 1.246.363.853 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 261.763.351.808 | 237.495.702.848 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 261.763.351.808 | 237.495.702.848 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 150.084.920.000 | 150.084.920.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 150.084.920.000 | 150.084.920.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 75.482.073.694 | 52.565.109.263 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 36.196.358.114 | 34.845.673.585 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 12.717.740 | 34.845.673.585 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 36.183.640.374 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 531.701.018.047 | 523.745.308.626 |

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Đinh Anh Huy

Nguyễn Văn Hựu

Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước (*) |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 400.496.408.414 | 353.361.208.505 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (274.609.183.374) | (195.062.639.309) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (45.380.630.620) | (32.737.672.539) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (1.103.462.683) | (1.857.526.973) |
| 5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (13.783.200.107) | (11.183.460.276) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 40.346.467.498 | 41.431.282.334 |
| 7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 07 | | (66.761.197.096) | (63.678.297.793) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 39.205.202.032 | 90.272.893.949 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (9.412.437.252) | (10.169.895.831) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 361.700.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 2.498.919.432 | 3.296.079.443 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (6.551.817.820) | (6.873.816.388) |

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (15.969.000.000) | (14.640.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (30.812.434.076) | (27.619.945.600) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (46.781.434.076) | (42.259.945.600) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (14.128.049.864) | 41.139.131.961 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 113.940.861.706 | 48.651.413.126 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 21.892.732 | (6.907.528) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 99.834.704.574 | 89.783.637.559 |

Người lập biểu



Đinh Anh Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hựu

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Giám đốc



Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ kho, bãi và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|---|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương | Số 7/20, Đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ vận tải, kho bãi | 36% | 36% | 36% |
| Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam | Tầng 3 Số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý hải quan, kho bãi và lưu trữ hàng hóa | 20% | 20% | 20% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trong ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 166 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 162 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thi công, cải tạo

Chi phí thi công, cải tạo phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho cơ sở hạ tầng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SỐNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 15 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 8 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 6 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 9 |
| Tài sản cố định khác | 5 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 95.296.348 | 12.203.808 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 16.739.408.226 | 15.076.472.140 |
| Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>) | 83.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| Cộng | 99.834.704.574 | 90.088.675.948 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 12.391.312.981 | - | 12.391.312.981 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương ⁽ⁱ⁾ | 11.440.000.000 | - | 11.440.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Maruzen Unithai Logistics Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 951.312.981 | - | 951.312.981 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 6.456.460.100 | - | 6.456.460.100 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 6.456.460.100 | - | 6.456.460.100 | - |
| Cộng | 18.847.773.081 | - | 18.847.773.081 | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700923658 thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương có vốn điều lệ là 30.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 1.080.000 cổ phần tương ứng 36% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000038 ngày 16 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam có vốn điều lệ là 2.400.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 48.000 cổ phần tương ứng 20% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Công ty ủy thác cho Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 6.456.460.100 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 2.013.349 cổ phiếu (số đầu năm là 1.326.318 cổ phiếu, số tăng trong năm do được chia cổ tức bằng cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 39.351.837.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 52.749.743.800 VND).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.145.248.519 | 1.135.129.010 |
| Mua hàng và sử dụng dịch vụ | 4.150.231.603 | 3.432.471.115 |
| Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4.967.792.747 | 1.471.069.554 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 2.693.574.562 | 2.560.996.472 |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 1.642.065.972 | 1.503.699.920 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương | 466.028.260 | 421.309.058 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | 249.789.488 | 249.789.488 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh | 154.342.908 | 184.939.200 |
| Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam | 181.347.934 | 151.578.806 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | - | 49.680.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 54.311.347.263 | 53.715.003.433 |
| Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam | 3.131.461.007 | 8.071.001.872 |
| Công ty TNHH Kimberly - Clark Việt Nam | 13.869.793.559 | 8.020.316.223 |
| Công ty Cổ phần Marico South East Asia | - | 6.517.185.682 |
| Công ty TNHH Fes (Việt Nam) | 8.107.791.891 | 2.853.384.558 |
| Các khách hàng khác | 29.202.300.806 | 28.253.115.098 |
| Cộng | 57.004.921.825 | 56.275.999.905 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT | - | 1.097.852.973 |
| Công ty TNHH Điện tử - viễn thông Gia Ngọc Việt | 294.241.680 | - |
| Công ty Cổ phần Lữ hành đỉnh cao Châu Á | 350.000.000 | - |
| Công ty TNHH Công nghệ Không gian | 1.166.219.551 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.072.637.224 | 206.034.429 |
| Cộng | 2.883.098.455 | 1.303.887.402 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 6.741.314.620 | - | 13.152.526.540 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | 4.130.499.100 | - | 8.824.822.265 | - |
| - Lợi nhuận hợp tác kinh doanh | 1.063.238.264 | - | 951.440.179 | - |
| - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾ | 3.067.260.836 | - | 7.873.382.086 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng – Bình Dương (cổ tức) | 2.306.500.000 | - | - | - |
| Phải thu về chi hộ | 304.315.520 | - | 4.327.704.275 | - |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 301.315.520 | - | 4.326.197.988 | - |
| Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam | 3.000.000 | - | 1.506.287 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 10.987.026.782 | - | 9.232.334.679 | - |
| Đặt cọc, ký quỹ, ký cược | 498.100.000 | - | 498.100.000 | - |
| Tạm ứng | 3.398.477.099 | - | 2.121.460.794 | - |
| Các khoản chi hộ, nhờ thu hộ | 4.100.465.216 | - | 5.575.531.722 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.989.984.467 | - | 1.037.242.163 | - |
| Cộng | 17.728.341.402 | - | 22.384.861.219 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 23.020.798.933 | - | 23.231.626.804 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | 23.020.798.933 | - | 23.231.626.804 | - |
| - Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ⁽ⁱⁱ⁾ | 22.000.000.000 | - | 22.000.000.000 | - |
| - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾ | 1.020.798.933 | - | 1.231.626.804 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.708.000.000 | - | 2.400.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.708.000.000 | - | 2.400.000.000 | - |
| Cộng | 24.728.798.933 | - | 25.631.626.804 | - |

- ⁽ⁱ⁾ Các khoản vốn góp hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng (“Tân Cảng IDI”), trong đó, Tân Cảng IDI là đơn vị vận hành và thực hiện các nghĩa vụ nộp và kê khai thuế, chi tiết như sau:

| Bên tham gia hợp tác kinh doanh | Mục đích | Thời hạn |
|---|-------------------------------------|-----------------------------------|
| Công ty, Tân Cảng IDI và Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương | Xây dựng và khai thác bãi container | 10 năm (kể từ ngày 24/8/2015) |
| Công ty, Tân Cảng IDI và Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng | Xây dựng và khai thác kho số 21 | 49 năm (từ năm 2016 đến năm 2065) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh này đều phân chia lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ góp vốn của các bên. Thời hạn thu hồi vốn góp trong vòng 10 năm kể từ ngày bắt đầu hợp đồng, dựa trên tỷ lệ khấu hao tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng và khai thác kho số 21 đã thu hồi hết vốn góp.

- (ii) Đặt cọc thuê kho 21 thời hạn 10 năm từ 06/12/2016 đến hết ngày 05/12/2026.

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khách hàng có thời gian quá hạn trên 3 năm, tỷ lệ trích lập dự phòng 100%.

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển Logistics Toàn Cầu | 1.435.552.637 | 1.435.552.637 |
| Công ty TNHH Gokce & Ayca Logistics | 448.800.000 | 448.800.000 |
| Cộng | 1.884.352.637 | 1.884.352.637 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.884.352.637 | 6.460.578.796 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (4.429.377.797) |
| Số cuối kỳ | 1.884.352.637 | 2.031.200.999 |

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|------------|
| Chi phí bảo hiểm | 86.370.973 | - |
| Chi phí thi công, cải tạo | 4.642.987.404 | - |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 467.633.331 | - |
| Cộng | 5.196.991.708 | - |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 453.555.557 | 610.555.556 |
| Chi phí thuê cơ sở hạ tầng ⁽ⁱ⁾ | 191.217.471.322 | 171.075.724.971 |
| Chi phí cải tạo ⁽ⁱⁱ⁾ | 8.763.481.897 | 14.516.915.287 |
| Cộng | 200.434.508.776 | 185.592.640.258 |

- (i) Đây là khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ) tại Phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 532/TCT-KHKD ngày 1 tháng 6 năm 2016 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn thuê là 48 năm kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2064 và thời hạn thanh toán khoản tiền thuê này là trong vòng 10 năm kể từ năm 2017 đến năm 2026.

- (ii) Đây là khoản chi phí cải tạo văn phòng và nhà kho, thi công cải tạo hạ tầng điện nước, giao thông, lắp đặt nội thất khu văn phòng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 409.932.354.165 | 23.715.678.256 | 12.635.768.373 | 14.025.336.240 | 223.000.000 | 460.532.137.034 |
| Mua trong năm | 307.923.079 | 3.320.422.194 | 1.432.008.333 | 4.235.657.145 | - | 9.296.010.751 |
| Thanh lý, nhượng bán | (107.198.499) | - | (303.700.000) | (596.788.600) | - | (1.007.687.099) |
| Số cuối kỳ | 410.133.078.745 | 27.036.100.450 | 13.764.076.706 | 17.664.204.785 | 223.000.000 | 468.820.460.686 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 296.058.648.158 | 15.687.000.830 | 9.941.715.448 | 13.117.575.952 | 223.000.000 | 335.027.940.388 |
| Khấu hao trong kỳ | 25.223.387.189 | 1.262.921.880 | 614.255.358 | 889.837.541 | - | 27.990.401.968 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (303.700.000) | (596.788.600) | - | (900.488.600) |
| Số cuối kỳ | 313.223.004.233 | 16.434.026.461 | 10.074.259.606 | 13.092.274.697 | 223.000.000 | 362.117.853.756 |

Giá trị còn lại

| | | | | | | |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|----------|------------------------|
| Số đầu năm | 113.873.706.007 | 8.028.677.426 | 2.694.052.925 | 907.760.288 | - | 125.504.196.646 |
| Số cuối kỳ | 88.851.043.398 | 10.086.177.740 | 3.511.805.900 | 4.253.579.892 | - | 106.702.606.930 |

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

-
-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 65.312.197.394 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>9.203.871.298</i> | <i>18.374.244.846</i> |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 855.879.661 | 12.033.743.483 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | 4.756.514.704 | 4.756.514.704 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương | 1.909.114.934 | 769.708.671 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | 1.627.487.999 | 504.468.000 |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình | 5.724.000 | 148.824.000 |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | 22.680.000 | 108.045.988 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 26.470.000 | 52.940.000 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>20.253.220.119</i> | <i>38.636.797.395</i> |
| Cộng | <u>29.457.091.417</u> | <u>57.011.042.241</u> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-----------------------------|---|--------------------------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Số phải nộp</u> <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 253.206.588 | 10.285.910.602 (9.117.150.671) | 1.421.966.519 - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.056.651.911 | 16.585.221.549 (13.783.200.107) | 6.858.673.353 - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp bên hợp tác kinh doanh nộp hộ | - | 709.510.626 (709.510.626) | - - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 436.592.056 | 3.060.824.490 (3.322.189.433) | 175.227.113 - |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 (3.000.000) | - - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 7.105.528 (7.105.528) | - - |
| Cộng | <u>4.746.450.555</u> | <u>30.651.572.795 (15.680.458.438)</u> | <u>8.455.866.985</u> - |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, dịch vụ vận chuyển ra nước ngoài 0%
- Cung cấp nước sạch 5%
- Cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và các dịch vụ đi kèm 8% và 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 86.473.660.874 | 65.023.722.770 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng/giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 86.473.660.874 | 65.023.722.770 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 86.473.660.874 | 65.023.722.770 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 17.294.732.175 | 13.004.744.554 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 61.915.234.140 | 45.373.014.626 |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 60.804.818.996 | 44.910.799.094 |
| Chi phí sử dụng đất ^(*) | 53.046.294.110 | 44.908.069.094 |
| Chi phí thuê phương tiện sản xuất | 7.504.820.404 | - |
| Chi phí sử dụng dịch vụ khác | 253.704.482 | 2.730.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng | 1.106.915.144 | 462.215.532 |
| - Bình Dương - Chi phí nhiên liệu, thuê nhân công | | |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng miền Trung | 3.500.000 | - |
| - Chi phí vận chuyển | | |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 2.713.663.261 | 7.635.837.105 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.730.996.692 | 7.082.073.562 |
| Chi phí vận chuyển | 968.561.389 | 295.939.628 |
| Chi phí lãi vay | 14.105.180 | 34.623.915 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | - | 223.200.000 |
| Cộng | 64.628.897.401 | 53.008.851.731 |

(*) Đây là khoản chi phí sử dụng đất quốc phòng Công ty tạm tính từ năm 2020 đến nay, căn cứ theo:

- Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 58/2021/TT-BQP ngày 7/6/2021 của Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định đơn giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;
- Các văn bản hướng dẫn số 4468/TCT-QLCS ngày 9/8/2021 của Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng; Công văn số 1132/BQP-Kte ngày 18/4/2022 và Công văn số 1707/BQP-Kte ngày 24/5/2023 của Cục kinh tế, Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn xác định tiền sử dụng đất quốc phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

Công ty sẽ tiếp tục áp dụng đơn giá tạm tính này cho đến khi có văn bản thông báo chính thức của cấp có thẩm quyền về chi phí sử dụng đất phải nộp.

Công ty đã thanh toán chi phí sử dụng đất đến hết năm 2023, theo thông báo hàng năm của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Đây là khoản doanh thu chưa thực hiện đến từ khoản tiền nhận trước từ Công ty TNHH Nissin Logistic Việt Nam theo hợp đồng thuê kho và phụ lục liên quan.

14. Phải trả khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 440.051.858 | 658.255.692 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 907.010.490 | 983.054.285 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 10.233.471.999 | 10.709.192.000 |
| Các khoản thu hộ | 2.312.375.492 | 2.050.747.712 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 210.158.733 | - |
| Cộng | 14.103.068.572 | 14.401.249.689 |

14b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến các hợp đồng cho thuê kho.

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH ITL Bình Dương | 33.333.333.360 | 35.833.333.356 |
| Công ty TNHH Logitem Việt Nam | 27.407.600.710 | 27.407.600.710 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam | 24.639.074.122 | 22.000.000.000 |
| Các đối tượng khác | 4.927.500.000 | 4.927.500.000 |
| Cộng | 90.307.508.192 | 90.168.434.066 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Bình Dương, bao gồm:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | 16.433.905.479 | 21.292.000.000 |
| - Hợp đồng năm 2018 | 14.661.905.479 | 19.520.000.000 |
| - Hợp đồng năm 2024 | 1.772.000.000 | 1.772.000.000 |
| Vay dài hạn | 442.532.823 | 11.553.438.302 |
| - Hợp đồng năm 2018 | - | 4.901.905.479 |
| - Hợp đồng năm 2024 | 442.532.823 | 6.651.532.823 |
| Cộng | 16.876.438.302 | 32.845.438.302 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay.

Thông tin về các hợp đồng vay như sau:

- (i) Hợp đồng vay ngày 27 tháng 12 năm 2018 để thanh toán tiền xây dựng kho phục vụ khách hàng Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần ("ITL"). Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cố định trong năm thứ nhất là 8,1%/năm, kể từ năm thứ 2 trở đi điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất của khoản vay trong kỳ là 6,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp: (i) Quyền khai thác và các quyền tài sản khác đối với toàn bộ tài sản thuộc Dự án; (ii) Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thuê thành lập trung tâm kho bãi tại ICD Tân Cảng Sóng Thần với ITL; Thỏa thuận chuyển giao hợp đồng giữa ITL, Công ty TNHH ITL Bình Dương; Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác điều hành trung tâm kho bãi tại ICD Tân Cảng Sóng Thần với Công ty TNHH ITL Bình Dương; (iii) Toàn bộ thiết bị, tường bao, cột kèo, mái tôn và các kết cấu khác thuộc Dự án.

- (ii) Hợp đồng vay ngày 5 tháng 6 năm 2024 để thanh toán chi phí dự án “Mở rộng kho hàng số 7 và 8”, số tiền cho vay tối đa là 10.418.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng. Lãi suất cố định trong năm thứ nhất là 5%/năm, kể từ năm thứ 2 trở đi điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất của khoản vay trong kỳ là 5%/năm.

Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ dự án.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay như sau:

Kỳ này

| | Vay dài hạn đến hạn trả | Vay dài hạn |
|------------------------------------|----------------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 21.292.000.000 | 11.553.438.302 |
| Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả | 11.110.905.479 | (11.110.905.479) |
| Số tiền vay đã trả | (15.969.000.000) | - |
| Số cuối kỳ | 16.433.905.479 | 442.532.823 |

Kỳ trước

| | Vay dài hạn đến hạn trả | Vay dài hạn |
|------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 19.520.000.000 | 24.421.905.479 |
| Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả | 14.640.000.000 | (14.640.000.000) |
| Số tiền vay đã trả | (14.640.000.000) | - |
| Số tiền vay nhận được | - | 8.866.532.823 |
| Số cuối kỳ | 19.520.000.000 | 18.648.438.302 |

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 16.433.905.479 | 21.292.000.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 442.532.823 | 11.553.438.302 |
| Cộng | 16.876.438.302 | 32.845.438.302 |

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán

16. Dự phòng phải trả

16a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập trong kỳ | Số sử dụng trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|-------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 66.355.000 | - | (66.355.000) | - |
| Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ ^(*) | - | 20.460.191.380 | - | 20.460.191.380 |
| Cộng | 66.355.000 | 20.460.191.380 | (66.355.000) | 20.460.191.380 |

- (*) Dự phòng sửa chữa định kỳ là khoản dự phòng Công ty trích lập cho việc sửa chữa, cải tạo định kỳ các công trình phụ trợ và đường giao thông theo kế hoạch sửa chữa tài sản cố định được thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị trong kế hoạch sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)**16b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Là dự phòng trợ cấp thôi việc.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Quỹ khen thưởng | Quỹ phúc lợi | Quỹ thưởng Người quản lý | Cộng |
|--------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 467.653.535 | 4.910.605.494 | 477.500.000 | 5.855.759.029 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 11.586.898.720 | 2.417.321.943 | 63.625.000 | 14.067.845.663 |
| Tăng khác | 249.895.185 | 52.500.000 | - | 302.395.185 |
| Chi quỹ trong kỳ | (7.146.200.000) | (3.368.460.000) | (541.125.000) | (11.055.785.000) |
| Số cuối kỳ | 5.158.247.440 | 4.011.967.437 | - | 9.170.214.877 |

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|----------------------------------|------------------------------|--|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 120.086.720.000 | 65.426.863.060 | 27.053.491.723 | 212.567.074.783 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | 34.749.948.553 | 34.749.948.553 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | (6.517.289.171) | (6.517.289.171) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | 9.279.073.599 | (9.279.073.599) | - |
| Số dư cuối kỳ trước | 120.086.720.000 | 74.705.936.659 | 46.007.077.506 | 240.799.734.165 |
| Số dư đầu năm nay | 150.084.920.000 | 52.565.109.263 | 34.845.673.585 | 237.495.702.848 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 69.178.928.699 | 69.178.928.699 |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước | - | - | (30.812.434.076) | (30.812.434.076) |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước | - | 2.163.285.821 | (4.020.521.769) | (1.857.235.948) |
| Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này | - | 20.753.678.610 | (32.995.288.325) | (12.241.609.715) |
| Số dư cuối kỳ này | 150.084.920.000 | 75.482.073.694 | 36.196.358.114 | 261.763.351.808 |

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 76.544.200.000 | 76.544.200.000 |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu | 35.685.140.000 | 35.685.140.000 |
| Các cổ đông khác | 37.855.580.000 | 37.855.580.000 |
| Cộng | 150.084.920.000 | 150.084.920.000 |

18c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 15.008.492 | 15.008.492 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 15.008.492 | 15.008.492 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 15.008.492 | 15.008.492 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 số 212/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 như sau:

| | VND |
|--|----------------|
| Phân phối lợi nhuận năm trước | |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | 30.812.434.076 |
| • Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển | 2.163.285.821 |
| • Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý | 1.857.235.948 |
| Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này | |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 20.753.678.610 |
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 12.241.609.715 |

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**19a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 50.314.712.635 | 53.244.219.261 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 7.474.961.166 | 29.899.844.669 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | 57.789.673.801 | 83.144.063.930 |

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 22.918,58 USD (số đầu năm là 22.928,48 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm | 322.481.149.147 | 280.043.226.270 |
| Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 52.783.332.004 | 43.711.001.179 |
| Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 7.953.237.524 | 7.948.699.808 |
| Cộng | 383.217.718.675 | 331.702.927.257 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là ty liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 4.399.645.786 | 6.530.753.956 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | 693.859.689 | 693.859.689 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh | 443.711.200 | 566.415.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | 44.250.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | 66.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Express | - | 768.186.928 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|--|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm | 217.267.193.076 | 198.034.998.282 |
| Giá vốn dịch vụ vận chuyển | 47.101.867.974 | 39.245.715.623 |
| Giá vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 4.405.684.396 | 4.245.670.566 |
| Cộng | 268.774.745.446 | 241.526.384.471 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi | 2.215.726.189 | 820.789.445 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 2.604.000.000 | 3.138.448.998 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 13.252.414 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 21.892.732 | 2.987.941 |
| Cộng | 4.841.618.921 | 3.975.478.798 |

4. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.575.013.016 | 1.737.765.112 |
| Cộng | 1.575.013.016 | 1.737.765.112 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|--|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 15.690.082.281 | 13.687.086.256 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.086.864.000 | 228.374.204 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.609.955.273 | 2.908.838.399 |
| Thuế, phí và lệ phí | 285.335.167 | 299.343.180 |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | - | (4.576.226.159) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.585.233.244 | 10.782.283.963 |
| Các chi phí khác | 455.123.024 | 2.232.511.037 |
| Cộng | 30.712.592.989 | 25.562.210.880 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 69.178.928.699 | 52.018.978.216 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | (12.241.609.715) | (10.073.340.289) |
| <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | (12.241.609.715) | (10.073.340.289) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 56.937.318.984 | 41.945.637.927 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 15.008.492 | 12.008.672 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 3.794 | 3.493 |

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Express | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Miền Bắc | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình | Công ty cùng Tập đoàn |

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chia cổ tức | | |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 15.714.524.260 | 14.086.172.900 |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu | 7.326.159.242 | 6.567.017.500 |
| Mua hàng và sử dụng dịch vụ | | |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 10.909.082.382 | 6.313.006.544 |
| Công ty Cổ phần ICD Tân cảng – Long Bình | 161.650.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 59.485.000 | 115.112.500 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | 19.458.469.242 | 19.458.469.242 |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | 171.380.833 | 98.457.407 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 238.230.000 | 238.230.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | 6.389.821.705 | 3.465.808.495 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng Miền Bắc | - | 94.700.000 |

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.10, V.12 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm, thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Anh Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hựu

Giám đốc



Trần Trí Dũng

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ICD TÂN
CẢNG
SÓNG
THẦN.

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN ICD TÂN
CẢNG SÓNG THẦN.
DN:
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:3700785006,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG SÓNG
THẦN., S=Bình Dương, C=
VN
Reason: I am the author of
this document
Date: 2025.10.20 16:17:49
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.2